TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2024/DS-PT
Ngày: 14 - 6 -2024
"V/v Tranh chấp yêu cầu trả lại tiền hỗ trợ đất bị thu hồi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đê

Ông Huỳnh Đắc Đương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Kim Thị Ngà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp yêu cầu trả lại tiền hỗ trợ đất bị thu hồi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 13/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1954; Địa chỉ: Ấp L, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh Đ: Anh Đỗ Tấn A, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khóm A, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2024 (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lâm Văn S, sinh năm 1956; Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn S: Chị Lâm Thị Thanh Th, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 13/6/2024 (có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Lâm Văn S*: Bà Phạm Thị Thiên I – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị Hồng P, sinh năm 1970; Địa chỉ: số 96B, khóm A, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

- Người kháng cáo*:* ông Lâm Văn S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền cho nguyên đơn trình: Ngày 10/12/2022, ông Đ có nhận chuyển nhượng thửa đất số 729, diện tích 4.772m^2, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh của ông Lâm Văn S, giá chuyển nhượng bằng 2.863.000.000 đồng, ông Đ đặt cọc trước cho ông S nhận bằng 500.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng đặt cọc, trong hợp đồng đặt cọc ông Đ với ông S có thỏa thuận: "Ông Lâm Văn S cam kết trong thời gian ra làm hợp đồng công chứng, Nhà nước có bồi thường thì toàn bộ số tiền và tài sản trên đất thì ông S đứng ra nhận dùm".

Ngày 26/02/2023, ông Đ thanh toán đủ số tiền chuyển nhượng đất còn lại cho ông S, hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng đất do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S phải điều chỉnh lại cho nên ngày 29/6/2023 ông Đ với ông S mới liên hệ đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh B để làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất 729 cho bên ông Đ, đối với thửa đất số 729 ông Đ nhờ chị Bùi Thị Hồng P là cháu ruột của ông Đ đứng tên quyền sử dụng đất giùm cho ông Đ, còn tiền chuyển nhượng đất là của ông Đ.

Sau khi ký xong hợp đồng chuyển nhượng đất với bên ông S, ông Đ có nộp hồ sơ tại Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T để xin cấp quyền sử dụng đất cho ông Đ. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện có trả lời tạm dừng hồ sơ cấp quyền sử dụng đất, lý do diện tích đất ông Đ chuyển nhượng đang dính công trình cầu Đ chờ thu hồi đất, chính vì lý do đó mà Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 729 của ông S đứng tên chưa làm thủ tục chuyển tên qua bên ông Đ được và diện tích đất bị thu hồi theo quyết định của Ủy ban nhân dân huyện T là 1.491,9m^2. Do ông Đ chưa được đứng tên thửa đất, cho nên ngày 03/7/2023 Nhà nước có thông báo cho người bị thu hồi đất đến nhận tiền bồi thường nên ông S là người trực tiếp nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giùm cho ông Đ, tổng số tiền Nhà nước bồi thường, hỗ trợ cho diện tích đất bị thu hồi bằng 548.000.000 đồng, sau khi nhận tiền xong ông S có giao lại cho ông Đ tiền bồi thường đất bằng 328.000.000 đồng, còn lại số tiền 220.000.000 đồng ông S không đồng ý giao, ông S cho rằng tiền này Nhà nước hỗ trợ cho người trực tiếp sản xuất tại thời điểm thu hồi đất, ông Đ không đồng ý.

Nay đại diện cho ông Nguyễn Minh Đ yêu cầu ông Lâm Văn S trả lại cho ông Đ số tiền Nhà nước hỗ trợ mà ông S đang quản lý bằng 220.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông Đ không yêu cầu giải quyết việc ông nhờ chị P đứng tên thửa đất đã chuyển nhương của ông S giùm ông Đ, để ông Đ với chị P giải quyết sau.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Lâm Văn S trình bày:

Ngày 10/12/2022 ông có chuyển nhượng thửa đất số 729, diện tích 4.772m^2, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho ông Nguyễn Minh Đ, giá chuyển nhượng bằng 2.863.000.000 đồng, ông Đ đặt cọc trước cho ông bằng 500.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng đặt cọc.

Ngày 26/02/2023, ông Đ đã thanh toán đủ số tiền chuyển nhượng đất còn lại cho ông nhận và gia đình ông làm hợp đồng chuyển nhượng đất thửa đất cho bên ông Đ xong, hợp đồng chuyển nhượng đất bên ông Đ do bà Bùi Thị Hồng P đứng tên giùm, còn mọi giao dịch chuyển nhượng đất và trả tiền chuyển nhượng đất chỉ có ông với ông Đ thỏa thuận.

Trong thời gian làm hợp đồng chuyển nhượng đất Nhà nước có thu hồi diện tích 1.491,9m^2 làm công trình cầu Đ, do đất ông còn đứng tên quyền sử dụng đất cho nên ông là người nhận tiền hỗ trợ, bồi thường. Tổng cộng số tiền Nhà nước hỗ trợ, bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi bằng 548.000.000 đồng, trong đó bồi thường tiền đất bằng 328.000.000 đồng số tiền này ông đã giao lại cho ông Đ xong, không có làm giấy tờ, còn lại số tiền 220.000.000 đồng là hỗ trợ cho người trực tiếp sản xuất, tại thời điểm thu hồi đất ông là người trực tiếp sản xuất, cho nên số tiền này ông là người được hưởng chứ không phải ông Đ, ông không đồng ý trả lại theo yêu cầu của ông Đ.

Đối với diện tích đất bị thu hồi ông với ông Đ đã bàn giao cho công trình thi công xong, không có tranh chấp, ông cũng không có tranh chấp thửa đất 729 đã chuyển nhượng cho ông Đ.

Ý kiến của bà Bùi Thị Hồng P trình bày: Ngày 10/12/2022 ông Đ có nhận chuyển nhượng thửa đất 729, diện tích 4.772m^2, tờ bản đồ số 14, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh của ông Lâm Văn S, giá chuyển nhượng bằng 2.863.000.000 đồng, ông Đ có đặt cọc trước cho ông S bằng 500.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng đặt cọc.

Ngày 29/6/2023, ông Đ với ông S có ra Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh B để làm thủ tục chuyển nhượng đất, bà là người đứng tên thửa đất số 729 giùm cho ông Đ, còn mọi giao dịch thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất và số tiền trả cho ông S là của ông Đ, bà thống nhất để ông Đ giải quyết với ông S.

Đối với diện tích đất bị thu hồi tại thửa đất 729 là của ông Đ và tiền Nhà nước hỗ trợ, bồi thường cũng là của ông Đ được hưởng, bà không có tranh chấp để ông Đ giải quyết. Bà P có đơn xin vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 13/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 91, 92, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 83, 84, 86 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ.

2. Buộc ông Lâm Văn S trả lại cho ông Nguyễn Minh Đ tổng cộng bằng 220.000.000 đồng; Ông Nguyễn Minh Đ không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/10/2023 ông Lâm Văn S kháng cáo yêu cầu huỷ Bản án sơ thẩm số 01/2023/DSST ngày 13/10/2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và các bên đương sự không cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ tại phiên tòa phúc thẩm.

Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Lâm Văn S trình bày: Tiền tranh chấp trong vụ này là tiền hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, tại thời điểm thu hồi đất gia đình của ông S đang sử dụng đất, trong giấy đặt cọc do một mình ông S ký tên, các thành viên khác trong hộ không có ký tên, số tiền trên là hỗ trợ cho hộ nhưng cấp sơ thẩm không đưa thành viên của hộ ông Lâm Văn S vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Văn S hủy án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà đã thực hiện ban hành văn bản tố tụng và tống đạt các văn bản chuyển hồ sơ sang cho Viện kiểm sát đầy đủ và đúng theo quy định bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thực hiện đúng về thời hạn xét xử phúc thẩm và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ về trình tự, thủ tục phiên toà phúc thẩm, các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến và tranh tụng công khai tại phiên toà hôm nay. Ông Lâm Văn S kháng cáo yêu cầu yêu cầu huỷ Bản án sơ thẩm số 01/2023/DSST ngày 13/10/2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Văn S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lâm Văn S còn trong thời hạn luật quy định,

nội dung và hình thức đơn kháng cáo là hợp lê nên được xem là hợp pháp xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Lâm Văn S yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm huỷ Bản án sơ thẩm số 01/2023/DSST ngày 13/10/2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét thấy: Ngày 10/12/2022 ông Nguyễn Minh Đ với ông Lâm Văn S có tự nguyện xác lập Hợp đồng đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng để ông S chuyển nhượng thửa đất 729, tờ bản đồ số 14, diện tích 4.772m^2, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho ông Đ, giá chuyển nhượng bằng 2.863.000.000 đồng, trong hợp đồng đặt cọc có nêu, từ ngày 10/12/2022 đến 28/02/2023 hai bên hoàn thành thủ tục công chứng ông Đ sẽ giao đủ số tiền còn lại. Ngày 26/02/2023 ông Đ thanh toán đủ số tiền chuyển nhượng thửa đất còn lại 2.363.000.000 đồng cho ông S và ông S đã nhận, ngày 29/6/2023 hai bên tiến hành xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 729, ông S và các thành viên trong hộ gồm Nguyễn Thị L, Lâm Thị Thanh T, Lâm Thị Thanh Th đều ký tên và được văn phòng công chứng chứng thực để ông Đ làm thủ tục sang tên và ông Đ nhờ người cháu ruột là bà Bùi Thị Hồng P đứng tên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa sang tên được là do cần điều chỉnh diện tích do bị thu hồi một phần diện tích đất trên để thực hiện dự án xây dự cầu Đ.

[3] Ngày 28/6/2023 Ủy ban nhân dân huyện T có quyết định thu hồi, bồi hoàn và hỗ trợ tái định cư đối với thửa đất 729, lúc này thửa đất còn đứng tên hộ ông Lâm Văn S, nên ông Lâm Văn S nhận tiền bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất là 334.783.800 đồng, tiền hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 220.000.000 đồng. Ông S đã đưa lại cho ông Đ số tiền bồi hoàn về đất 334.783.800 đồng, riêng số tiền 220.000.000 đồng hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thì ông S giữ lại, vì ông S cho rằng đây là khoản tiền hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho những người trực tiếp sản xuất trên đất nên ông được hưởng. Xét thấy ngày 26/02/3023 ông S đã nhận đầy đủ số tiền chuyển nhượng thửa đất 279 của ông Đ là 2.863.000.000 đồng xét về mặt pháp lý thì ông S còn đứng tên quyền sử dụng thửa đất trên, còn về thực tế ông S không còn thửa đất nêu trên vì đã chuyển nhượng và nhận đủ tiền từ ông Đ nên ông S không còn là người trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp, trước khi Uỷ ban nhân dân huyện T có quyết định thu hồi và bồi thường, mặc khác, tại Hợp đồng đặt cọc được xác lập ngày 10/12/2022 giữa hai bên, ông Đ và ông S có thoản thuận nội dung như sau: "*Tôi Lâm Văn S cam kết trong thời gian ra làm hợp đồng công chứng nếu Nhà nước có bồi thường thì toàn bộ số tiền và tài sản trên đất thì ông S đứng ra nhận dùm".* Với nội dung thoản thuận này toàn bộ số tiền bồi thường ông S chỉ đứng ra nhận dùm cho ông Đ và ông S là trực tiếp nhận tiền không liên quan đến các thành viên trong hộ nên Toà án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc ông S trả lại cho ông Đ số tiền 220.000.000 đồng mà ông S đã nhận dùm ông Đ là có cơ sở. Ông Lâm Văn S kháng cáo yêu cầu huỷ Bản án sơ thẩm nhưng xét thấy trong quá trình tiến hành tố tụng quan hệ tranh chấp là số tiền liên quan đến hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm nên cấp sơ thẩm không đưa thành

viên hộ ông S vào tham gia tố tụng là không có vi phạm tố tụng và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án, ông S kháng cáo nhưng không cung cấp được lý do của việc kháng cáo nên kháng cáo của ông S là không phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp với tình tiết khách quan vụ án và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Lâm Văn S là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi vì trong vụ án này việc cấp sơ thẩm không đưa thành viên hộ ông S vào tham gia tố tụng do quan hệ tranh chấp nhưng Hội đồng xét xử đã phân tích nêu trên, vì vậy quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông Lâm Văn S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định, do ông S là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 83, 84, 86 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Văn S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 13/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ.

2. Buộc ông Lâm Văn S trả lại cho ông Nguyễn Minh Đ số tiền 220.000.000 đồng (*hai trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lâm Văn S, trả lại cho ông S tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng, ngày 06/11/2023 theo biên lai số 0017194 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị sửa đổi, bổ sung có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thành